

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2026/HS-PT.
Ngày: 25/6/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn;

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Hứa Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2026, tại Phòng xét xử số 02 - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (Số A, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ), xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2026/TLPT-HS ngày 12/5/2026 đối với bị cáo Trần Văn K do có kháng cáo của bị cáo Trần Văn K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Văn K; tên gọi khác: Cù Lì; sinh ngày: 17/3/1993; nơi sinh: xã V, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lưu Thị Đ; có vợ là bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 2002 (đã ly hôn vào ngày 21/10/2024) và 02 người con, người con lớn sinh năm 2021, người con nhỏ sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2025 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K: Ông Nguyễn Văn Ú - luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố C; địa chỉ Văn phòng: Số A, Ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: bị hại Trần Thị Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Mai Hữu P, Ngô Thị Thanh T1, Trần Văn Đ1, Nguyễn Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn K và bà Trần Thị Ngọc T có mối quan hệ là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 21/10/2024. Tuy nhiên, K ghen tuông khi có thông tin bà T có quan hệ tình cảm với người khác.

Vào lúc khoảng 23 giờ ngày 20/5/2025, Trần Văn K sử dụng Facebook có tên là Khai H2 thì nhận được tin nhắn qua ứng dụng messenger từ một người dùng có tên là Tính Cà L là gửi hình ảnh của bà T ngủ chung với một người đàn ông lạ mặt và bảo K muốn biết thì đi đến quán K1 hỏi bà T. Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/5/2025, K điều khiển xe mô tô đi từ nhà đến quán K1 để tìm bà T. Khi K đến quán K1, K dùng điện thoại gọi nhiều lần vào số điện thoại của bà T nhưng bà T không bắt máy mà bấm người dùng bận. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 21/5/2025, K nhìn thấy ông Mai Hữu P điều khiển xe mô tô hiệu Vario của bà T chở bà T đi từ trong quán K1 đi ra khỏi quán, K điều khiển xe để rượt đuổi theo, lúc này K kêu bà T dừng xe lại nhưng ông P không dừng lại, khi gần đến ngã ba N giáp với đường C, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) thì K dùng nón bảo hiểm đánh trúng vào vai của T một cái, sau đó ông P tiếp tục điều khiển xe mô tô chở bà T về hướng ngã ba đường H, thuộc Khóm G, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ) thì K điều khiển xe vượt lên chặn ép xe mô tô của P đang điều khiển chở bà T dừng lại. Ngay sau đó, K bước xuống xe mô tô rồi dùng tay câu cổ của bà T rồi lấy điện thoại di động của bà T, thì K đã bị ông P dùng nón bảo hiểm đánh 02 cái trúng vào cánh tay trái của K, sau đó K cầm điện thoại di động vừa lấy được của bà T lên xe mô tô bỏ chạy về hướng Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 40 phút cùng ngày 21/5/2025, K lần lượt gọi điện thoại cho bà Ngô Thị Thanh T1 và ông Trần Văn Đ1 (là mẹ ruột, cha ruột của bà T) kể lại sự việc của bà T với K, ông P. Sau đó, K điều khiển xe quay về quán K1 để tìm T nhưng K gặp ông Đ1, lúc này ông Đ1 yêu cầu K trả lại điện thoại di động của bà T để ông K cất giữ nhưng K không đồng ý. Sau đó, bà T1 gọi điện thoại cho K hỏi về sự việc và báo cho K biết là bà T đã đến Công an P1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Công an phường V, thành phố Cần Thơ) để trình báo vụ việc. Một lúc sau, K điều khiển đến Công an P1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Công an phường V, thành phố Cần Thơ) thì nhìn thấy bên trong có xe mô tô của bà T, lúc này K đưa điện thoại của bà T cho bà T1 cất giữ. Toàn bộ diễn biến sự việc K đánh bà T rồi lấy điện thoại di động của bà T được camera an ninh của Trại gà trên đường H, Khóm G, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ) ghi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 06/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thị xã V kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12, 5G màu trắng cam, dung lượng 512 GB có giá trị là 6.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 233/KLTTCT-TTPYST ngày 24/7/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh S – Sở Y tế thành phố C kết luận đối với Trần Thị Ngọc T như sau: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Trần Thị Ngọc T tại thời điểm giám định là 00%.

Tại Kết luận giám định số 1347/KL-KTHS ngày 14/10/2025 của Phòng K2 - Công an thành phố C kết luận: Đối với 01 (một) tệp video tên “6624516900103.mp4” thời lượng 01 phút 03 giây, dung lượng là 5,08MB, mã MD5: c6337b2b64944739bdeba21be489f83f (Ký hiệu A), được lưu trữ trong 01 USB nhãn hiệu TOSHIBA, 2GB, màu trắng. Không đủ cơ sở xác định tệp video tên “6624516900103.mp4” (Ký hiệu A) có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp video hay không. Do nội dung hình ảnh video được ghi lại qua màn hình của thiết bị khác phát video đó (tương tự điện thoại di động).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1).

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1) phạm tội “Cướp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1) 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí, về quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 06/4/2026, bị cáo Trần Văn K nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Trần Văn K phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng đối với bị cáo Trần Văn K các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là đúng quy định của pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo K mức hình phạt 03 năm tù là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra, không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ bị cáo được hưởng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận giảm hình phạt cho bị cáo K, giữ nguyên mức hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại và sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho bị cáo K hưởng án treo. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K: Trước khi vụ án xảy ra, bị cáo và bị hại là vợ chồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng đã ly hôn vào ngày 21/10/2024, bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung. Sau khi ly hôn, bị hại cũng thường xuyên lui tới nhà của bị cáo để thăm con và có ngủ lại, quan hệ tình cảm của hai người vẫn còn nên bị cáo ngộ nhận giữa hai bên vẫn còn tình cảm với nhau, còn là vợ chồng, vì ghen tuông, nhất thời kích động, không am hiểu pháp luật mà bị cáo đã dùng vũ lực để lấy điện thoại của bị hại nhằm mong muốn bị hại nói chuyện với bị cáo. Hiện nay, bị cáo phải nuôi dưỡng 02 con nhỏ, không còn liên lạc với bị hại không được, nếu bị cáo đi chấp hành án thì rất khó khăn cho 02 con nhỏ. Tuy nhiên, do bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là 03 năm.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Trần Văn K xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn K lập và nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 06/4/2026 là đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn K giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo. Căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Văn K, về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn K như sau: Bị cáo K và bà Trần Thị Ngọc T có mối quan hệ là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào ngày 21/10/2024. Tuy nhiên, K ghen tuông khi có thông tin bà T có quan hệ tình cảm với người

khác. Sau khi nhận được tin nhắn qua ứng dụng messenger từ một người dùng có tên là Tính Cà L là gửi hình ảnh của bà T ngủ chung với một người đàn ông lạ mặt và bảo K muốn biết thì đi đến quán K1 hỏi bà T, K điều khiển xe mô tô đi từ nhà đến quán K1 để tìm bà T. Vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày 21/5/2025, K nhìn thấy ông Mai Hữu P điều khiển xe mô tô hiệu Vario của bà T chở bà T đi từ trong quán K1 đi ra khỏi quán, K điều khiển xe để rượt đuổi theo, lúc này K kêu bà T dừng xe lại nhưng ông P không dừng lại, khi gần đến ngã ba N giáp với đường C, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) thì K dùng nón bảo hiểm đánh trúng vào vai của T một cái, sau đó ông P tiếp tục điều khiển xe mô tô chở bà T về hướng ngã ba đường H, thuộc Khóm G, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ) thì K điều khiển xe vượt lên chặn ép xe mô tô của P đang điều khiển chở bà T dừng lại. Ngay sau đó, K bước xuống xe mô tô rồi dùng tay câu cổ của bà T, lấy điện thoại di động của bà T, rồi lên xe mô tô bỏ chạy về hướng Phường B, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Theo kết luận định giá tài sản, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 12 5G, dung lượng 512GB của bà T có giá trị là 6.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Trần Văn K phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn K, về việc xin giảm hình phạt: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo K là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ; gia đình bị cáo có công với cách mạng ; bị cáo là lao động chính đang phải trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ. Xét trong vụ án này, sau khi phạm tội, bị cáo đã giao trả lại cho gia đình của bị hại đối với tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được của bị hại, đây là tình tiết bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung đối với bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo, giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo K.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn K, về việc xin hưởng án treo: Xét mặc dù bị cáo K bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện để có thể xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại,

mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo K về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là không phù hợp quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) vì bị cáo bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo; chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K về việc xin giảm hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K về việc xin hưởng án treo; sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo K của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Trần Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1), về việc xin giảm hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1), về việc xin hưởng án treo. Sửa quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù Lì) của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1).

Xử phạt bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1) 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Văn K (tên gọi khác: Cù L1) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT 1-TANDTC (01);
- VKSND TP. Cần Thơ (01);
- TAND khu vực x-Cần Thơ (02);
- VKSND khu vực x-Cần Thơ (01);
- THADS TP. Cần Thơ (01);
- CQCSĐT-Công an TP. Cần Thơ (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Cần Thơ (01);
- THADS khu vực x-Cần Thơ (01);
- UBND, Công an xã V (02);
- Bị cáo (01);
- Người TGT khác (04);
- P.GD, KT, TTr & THA-TAND TP. CT (01);
- Phòng HSNV-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ